

Chương trình đào tạo ngành Kế toán tại Học viện Ngân hàng- Thực trạng và một số định hướng phát triển giai đoạn 2021- 2025

Đào Nam Giang - Nguyễn Thị Lê Thanh

Khoa Kế toán- Kiểm toán, Học viện Ngân hàng

Ngày nhận: 10/08/2021

Ngày nhận bản sửa: 02/03/2022

Ngày duyệt đăng: 23/03/2022

Tóm tắt: Bài viết đưa ra bức tranh khái quát Chương trình đào tạo ngành Kế toán tại Học viện Ngân hàng, làm rõ ba nguyên tắc cơ bản xuyên suốt trong quá trình xây dựng, sửa đổi và hoàn thiện Chương trình là (1) tham chiếu chương trình tiên tiến trên thế giới; (2) lộ trình giảng dạy chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS) và (3) hợp tác chặt chẽ với các hiệp hội nghề nghiệp. Những điểm mạnh của Chương trình gồm sự tương thích với các chương trình tiên tiến và các chuẩn mực quốc tế, sự ghi nhận của các đối tác và thị trường lao động. Mặt khác, qua đối sánh với các chương trình có uy tín trên thế giới trong lĩnh vực kế toán, bài viết cũng chỉ ra cần tạo sự kết nối

Accounting curriculum at Banking Academy of Vietnam- Current situation and recommendations for the ongoing development in 2021- 2025

Abstract: The paper provides an overview of the accounting curriculum in Banking Academy of Vietnam with 3 main principles in its building and continuous improvement: (1) compare to accounting curriculum in a well-known university, (2) have a pathway to integrate IFRS in the curriculum, and (3) cooperate closely with international professional organizations. The curriculum has been continuously updated with changes in professional standards like IFRS and other trends in accounting education. However, a comparative study on the curriculum of Banking Academy of Vietnam and other prestigious accounting programs also reveals some areas for improvement such as enhancing the link between overall learning outcomes and main components of the program (technical components, general education...), the distinction between core values of the university and incremental value in each program, discussing more deeply on global citizen, long-life learning, community responsibility or ethic. The paper also recommends the application of International Education Standards issued by IFAC as well as cooperation with professional bodies in ongoing curriculum improvement.

Key words: curriculum, accounting education, IFRS training, internationalization accounting curriculum.

Dao, Nam Giang

giangdn@hvn.edu.vn

Nguyen, Thi Le Thanh

thanhntl@hvn.edu.vn

Organization of all: Accounting and Auditing Faculty, Banking Academy of Vietnam

chặt chẽ hơn giữa chuẩn đầu ra của Chương trình với chuẩn đầu ra của từng khối kiến thức trên cơ sở có sự phân định giữa giá trị cốt lõi của cơ sở đào tạo với giá trị tăng thêm của từng chuyên ngành. Các vấn đề về công dân toàn cầu và học tập suốt đời, trách nhiệm cộng đồng và đạo đức nghề nghiệp cũng cần được làm rõ hơn. Bài viết khuyến nghị về việc tham khảo các Chuẩn mực quốc tế về đào tạo kế toán (IES) do Liên đoàn kế toán quốc tế (IFAC) ban hành, đồng thời tiếp tục củng cố quan hệ với các hiệp hội nghề nghiệp.

Từ khoá: chương trình đào tạo, quốc tế hóa chương trình đào tạo, đào tạo kế toán, đào tạo IFRS

1. Giới thiệu

Học viện Ngân hàng (HVNH) mở ngành đào tạo Kế toán doanh nghiệp từ năm học 2005-2006 và trong thời gian từ 2007- 2021 chương trình đào tạo (CTĐT) kế toán đã được xây dựng, rà soát sửa đổi nhiều lần đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động cũng như những điều chỉnh trong chiến lược của Nhà trường qua các giai đoạn, chuyển đổi sang đào tạo tín chỉ, xây dựng các hướng chuyên sâu, xây dựng hệ chất lượng cao... Với mục tiêu liên tục cải tiến và nâng cao chất lượng, bản thân Khoa Kế toán- Kiểm toán HVNH cũng chủ động rà soát và đổi mới CTĐT và nội dung giảng dạy hàng năm. Sau 15 năm, việc tổng kết toàn bộ quá trình này sẽ giúp các bên liên quan có cái nhìn toàn cảnh về CTĐT, bối cảnh xây dựng, những kết quả đã đạt được và quan trọng hơn là xác định hướng phát triển. Bên cạnh đó, với xu hướng hòa hợp và hội tụ của kế toán quốc tế, đặc biệt là việc áp dụng hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế, CTĐT kế toán ở bậc đại học cũng có xu hướng tiến gần nhau hơn giữa các quốc gia, và dần hình thành mô hình đào tạo kế toán toàn cầu (Watty, K và các cộng sự, 2013, 2014, Helliard, C., 2013, Lubbe, I., 2020). Do đó, đối với các trường đại học tại các nước đang phát triển như Việt Nam, việc đối sánh chương trình với các trường đại học lớn có uy tín trên thế giới cũng như các tổ chức quốc tế sẽ rất hữu ích trong xác định định hướng phát triển chung cũng như những nội dung cụ thể cần bổ sung điều chỉnh.

Bài viết tổng kết những nguyên tắc chính trong quá trình xây dựng CTĐT ngành kế toán của HVNH và những kết quả đạt được với dấu mốc là CTĐT đại học hệ chính quy ngành Kế toán ban hành tháng 11/2021 (theo Quyết định số 2727/QĐ-HVNH ngày 25/11/2021 của Giám đốc HVNH). Đồng thời, nhóm tác giả cũng thực hiện đối sánh khung chương trình mới này với 2 chương trình uy tín trong lĩnh vực kế toán là Đại học Quản lý Singapore (SMU) và Đại học New South Wales (UNSW), xác định những vấn đề còn tồn tại và đưa ra các khuyến nghị cho việc tiếp tục sửa đổi hoàn thiện Chương trình trong giai đoạn 2021-2025. Những vấn đề trong Chương trình của HVNH cũng là những vấn đề chung của nhiều trường đại học tại các nước đang phát triển như Việt Nam. Do đó, những thảo luận và khuyến nghị trong bài viết sẽ mang lại những thông tin hữu ích cho những người quan tâm tới đào tạo kế toán nói chung.

2. Khái quát về quá trình, nguyên tắc xây dựng Chương trình đào tạo ngành Kế toán tại Học viện Ngân hàng và những kết quả đạt được

Trên cơ sở mục tiêu chung là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho Ngành Kế toán- Kiểm toán, có khả năng tham gia vào thị trường lao động quốc tế, HVNH xác định cần trang bị cho người học khối kiến thức chuyên ngành cập nhật với các chuẩn mực quốc tế và phản ánh hoạt động thực tiễn ở Việt Nam. Đồng thời, người học cũng cần có

khả năng tư duy linh hoạt và giải quyết vấn đề để thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau. Để đạt được mục tiêu này, CTĐT được xây dựng, điều chỉnh liên tục trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới, tham khảo các yêu cầu về năng lực và đạo đức nghề nghiệp từ các Hiệp hội nghề nghiệp, các chuẩn mực và thông lệ quốc tế trong lĩnh vực kế toán- kiểm toán. Cụ thể, tính đến tháng 11/2021, CTĐT của chuyên ngành kế toán đã trải qua các bước xây dựng và điều chỉnh chính như sau: Giai đoạn 2007- 2009: xây dựng khung chương trình và nội dung giảng dạy ban đầu các môn chuyên ngành kế toán đào tạo theo niên chế.

Giai đoạn 2010- 2011: điều chỉnh CTĐT để chuyển sang đào tạo theo tín chỉ.

Giai đoạn 2012- 2015: xây dựng các hướng chuyên sâu và tiếp tục hoàn thiện CTĐT, nội dung giảng dạy các môn chuyên ngành.

Giai đoạn 2016- 2019: xây dựng và hoàn thiện chương trình chất lượng cao (CLC), tiếp tục điều chỉnh cả chương trình đại trà và CLC đáp ứng với xu hướng phát triển của Ngành Kế toán trong đó nổi bật là việc áp dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS).

Giai đoạn 2017- 2021: rà soát và hoàn thiện định kỳ CTĐT chính quy và CLC với 3 mốc 2017, 2019 và 2021.

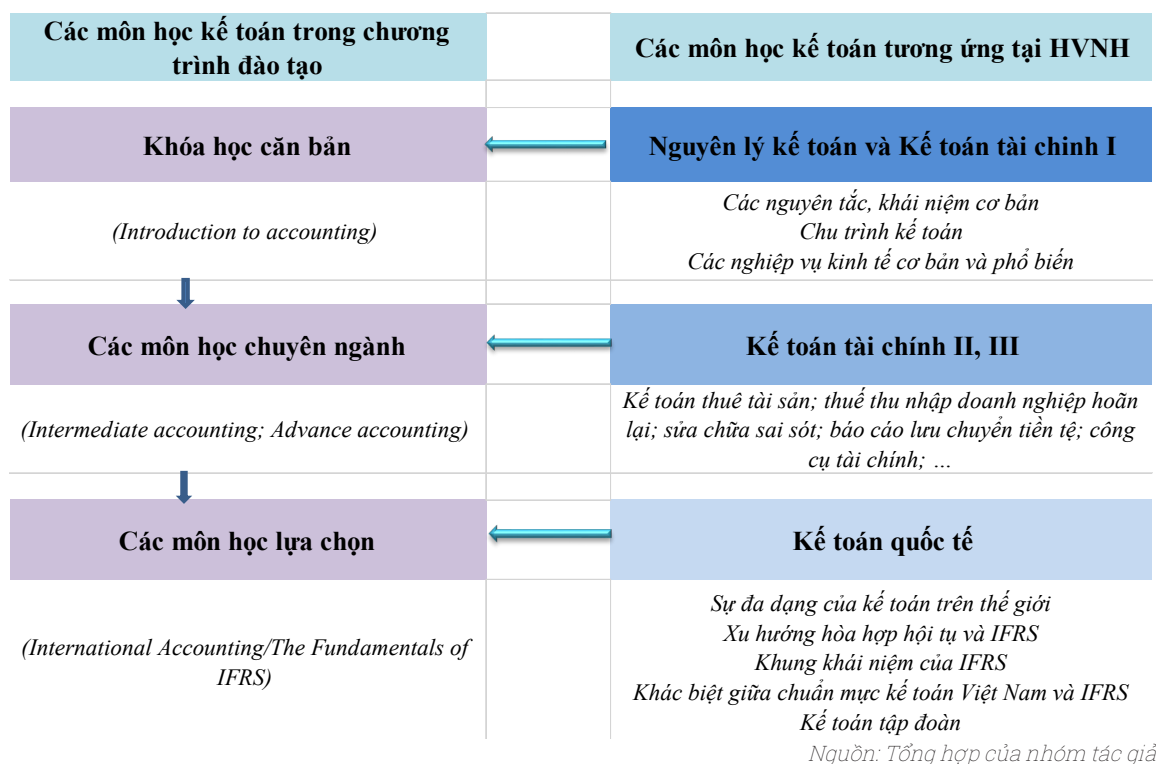
Việc rà soát và điều chỉnh CTĐT vừa được thực hiện theo các đợt chung của Học viện vừa được thực hiện chủ động hàng năm nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa. Bám sát với mục tiêu đào tạo, nguyên tắc để xây dựng CTĐT bậc cử nhân của Khoa Kế toán- Kiểm toán (KT- KT) có thể tóm tắt ở 3 điểm như sau:

Thứ nhất, xây dựng chương trình và nội dung đào tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn của Việt Nam đồng thời tiệm cận với CTĐT của các trường đại học tiên tiến trên thế giới.

CTĐT được xây dựng trên cơ sở tìm hiểu các chuẩn mực chung trong kiến thức và kỹ năng

cần trang bị cho sinh viên. Ngoài việc khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng và các bên có liên quan, Khoa KT- KT HVNH đã thực hiện khảo sát khung và nội dung đào tạo của CTĐT kế toán trong và ngoài nước, đặc biệt là các đại học lớn và có uy tín trên thế giới; phân tích về cách tiếp cận trong xây dựng CTĐT và xem xét các nội dung nào phù hợp với điều kiện Việt Nam hiện tại cũng như trong tương lai ngắn (3- 5 năm) và dài hạn (10- 15 năm) để xác định lộ trình xây dựng và hoàn thiện CTĐT. Việc xây dựng khối kiến thức chuyên ngành cũng như nội dung giảng dạy các môn chuyên ngành từ năm 2008- 2009 đều đã có sự tham khảo và đối sánh với các môn học tương ứng của các trường đại học có uy tín trên thế giới và cập nhật liên tục với thay đổi trong các chuẩn mực nghề nghiệp có liên quan. Năm học 2018- 2019, theo yêu cầu của Ban Giám đốc Học viện, Khoa KT- KT đã thực hiện việc rà soát tổng thể CTĐT trên cơ sở tìm hiểu, tham khảo các CTĐT cùng chuyên ngành của các trường có uy tín trên thế giới và khu vực, lựa chọn một số chương trình làm chuẩn đối sánh. Việc đối sánh tiếp tục được thực hiện khi rà soát và xây dựng CTĐT năm 2021.

Thứ hai, xác định lộ trình từng bước đưa chuẩn mực lập báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) vào nội dung đào tạo các môn chuyên ngành đáp ứng xu hướng hòa hợp và hội tụ của kế toán trên thế giới cũng như việc áp dụng IFRS tại Việt Nam. Tổng hợp từ các nghiên cứu trước ((Saito et al., 2012), (Singer, 2012), (Brady, 2009), (Jackling et al., 2012), (Aldredge, 2017), (Weiss, 2011), (Zhu et al., 2011), (Albader, 2015)...), nhóm nghiên cứu xây dựng chương trình KT-KT đã xác định khó khăn lớn nhất là việc chuyển đổi phương pháp giảng dạy để phù hợp với cách tiếp cận theo nguyên tắc (principles based) của IFRS. Kết quả các nghiên cứu trước đều cho thấy, tại các nước đang phát triển, việc đào tạo IFRS còn gặp nhiều khó khăn do sự chuẩn bị các



Hình 1. Tích hợp IFRS trong CTĐT cử nhân kế toán của HVNH

điều kiện chưa thực sự sẵn sàng và không đồng đều giữa các trường đại học, năng lực đội ngũ giảng viên, phương pháp giảng dạy, rào cản ngôn ngữ và các khác biệt trong văn hóa và kỹ năng sẵn có của sinh viên. Vì vậy, các nước này cần có các chiến lược khác nhau giữa các nhóm trường; cách tiếp cận giảng dạy khác nhau cho từng nhóm sinh viên. Từ năm 2012, khi xây dựng CTĐT với các hướng chuyên sâu khác nhau, Khoa KT-KT đã bắt đầu thực hiện giới thiệu một số nội dung cơ bản liên quan đến IFRS/IAS trong chương trình giảng dạy hệ đại trà (Hình 1). Trong đó với nội dung của các môn Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1, 2, 3, cách tiếp cận trong giai đoạn đầu là giới thiệu các khái niệm và nguyên tắc theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS), sau đó vận dụng và thực hành theo hướng dẫn của Chế độ kế toán Việt Nam, có mở rộng và so sánh để làm rõ các nội dung khác biệt với IFRS. Từ năm học 2016- 2017, CTĐT CLC được triển

khai với nội dung các môn chuyên ngành được xây dựng theo hướng tích hợp với các chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế và giảng dạy theo IFRS/IAS. Năm 2019, Bộ Tài chính đã xây dựng và ban hành Đề án áp dụng IFRS tại Việt Nam, đã đưa ra chủ trương khuyến khích và yêu cầu các trường đại học chủ động có sự điều chỉnh CTĐT tích hợp nội dung của IFRS. HVNH đã chuyển dịch dần cách tiếp cận trong giảng dạy các môn Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1, 2, 3 cho hệ chính quy theo hướng tiếp cận nhiều hơn theo IFRS và giới thiệu một số nội dung của IFRS mà chuẩn mực kế toán Việt Nam chưa đề cập.

Thứ ba, hợp tác chặt chẽ với các hiệp hội nghề nghiệp trong việc phát triển CTĐT nhằm đưa đến các cơ hội tốt nhất cho người học. Sau khi tốt nghiệp cũng giống như trong nhiều lĩnh vực khác, phần lớn những người hành nghề Kế toán- Kiểm toán sẽ phải tham gia vào các hiệp hội nghề nghiệp. Một số vị trí việc làm yêu cầu ứng viên bắt buộc phải

có chứng chỉ hành nghề do các hiệp hội nghề nghiệp cấp. Các hiệp hội nghề nghiệp đảm bảo quá trình học tập và cập nhật kiến thức và kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp liên tục của hội viên, đồng thời tham gia giám sát quá trình hành nghề của các hội viên. Do đó, các trường đại học và các hiệp hội nghề nghiệp kế toán trên thế giới đã liên tục phát triển mối quan hệ hợp tác và công nhận lẫn nhau. Các hiệp hội nghề nghiệp như ACCA hay ICAEW, CPA Úc đều công bố danh sách các trường đại học có CTĐT được kiểm định và thừa nhận lẫn nhau. Sự hợp tác này giúp người học giảm thiểu thời gian và chi phí để đạt được các chứng chỉ hành nghề. Bản thân các trường đại học, đặc biệt ở các nước đang phát triển cũng bắt kịp nhanh hơn các xu hướng phát triển trong hoạt động thực tiễn và cập nhật các yêu cầu từ các nhà tuyển dụng đối với kiến thức và kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp.

Việc đào tạo KT- KT tại các trường đại học ở Việt Nam mặc dù không mới nhưng vẫn còn non trẻ so với các trường trên thế giới và trong khu vực, đồng thời nội dung đào tạo của nhiều trường còn chưa tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế. Vì vậy, hiện nay các hiệp hội nghề nghiệp quốc tế vẫn chưa cho phép sinh viên tốt nghiệp các trường đại học ở Việt Nam miễn giảm hoặc chỉ được miễn giảm một số ít trong các môn học. Tính đến năm 2021, sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán của phần lớn các trường đại học của Việt Nam được miễn giảm tối đa 4 môn trong chương trình ACCA (so với khoảng 7- 9 môn ở các trường lớn trên thế giới và khu vực), hầu như không được miễn giảm các môn học trong chương trình của ICAEW (chứng chỉ ACA hoặc CFAB). Do vậy, việc thiết kế, xây dựng nội dung CTĐT ngành kế toán CLC theo hướng tích hợp với các môn học trong chứng chỉ quốc tế, và có lộ trình để lồng ghép vào chương trình chính quy là một xu hướng cần thiết để nâng cao

chất lượng đầu ra cho sinh viên đáp ứng với nhu cầu của thị trường.

Ba chứng chỉ nghề nghiệp uy tín và lâu đời trên thế giới trong lĩnh vực kế toán- kiểm toán đã có mặt tại Việt Nam hiện nay gồm ACA- ICAEW và ACCA (đều của Anh); và CPA của Úc. Từ năm 2015, HVNH đã tích hợp nội dung các môn học của chứng chỉ ACCA trong CTĐT chất lượng cao (CLC), và đến nay đã có 3 khóa sinh viên ra trường được ghi nhận và đánh giá tốt từ các nhà tuyển dụng. Tiếp theo đó, từ năm 2017, Khoa tiếp tục triển khai các bước lồng ghép nội dung CFAB (chứng chỉ liên quan đến các môn cơ sở của ACA- ICAEW) vào CTĐT CLC. Việc tổ chức đào tạo song song cho 2 hướng tích hợp với ACCA và CFAB đã được chính thức thực hiện từ 2019.

Tóm lại, ba nguyên tắc trên (tham khảo và đối sánh các chương trình quốc tế, hợp tác chặt chẽ với các Hiệp hội nghề nghiệp, và xây dựng lộ trình phù hợp để đưa IFRS và các chuẩn mực nghề nghiệp quốc tế khác vào giảng dạy) kết hợp và hỗ trợ lẫn nhau tạo nên chiến lược tổng thể phát triển và xây dựng CTĐT ngành kế toán. Nhờ đó, quá trình xây dựng, hoàn thiện CTĐT được thực hiện một cách nhất quán, liên tục trong hơn 10 năm qua (giai đoạn 2010- 2021) và đạt được những kết quả nhất định, cụ thể:

Thứ nhất, CTĐT được thiết kế đảm bảo yêu cầu phù hợp với thực tiễn Việt Nam và có sự định hướng cho tương lai trong việc chuẩn bị cho xu hướng hòa hợp- hội tụ của kế toán quốc tế và áp dụng IFRS tại Việt Nam. Đối với CTĐT CLC, nội dung giảng dạy giới thiệu được chế độ kế toán và thuế Việt Nam, đồng thời chuẩn hóa kiến thức chuyên ngành theo IFRS và ISA. Đối với chương trình đại trà, ngoài việc phân tích về xu hướng áp dụng IFRS trong môn kế toán quốc tế, tất cả các môn học chuyên ngành, ngoài giảng dạy nội dung theo hệ thống kế toán Việt Nam đều có đối sánh và tham chiếu với các chuẩn mực quốc tế. Từ năm học 2019-2020, các môn học

chuyên ngành đã được rà soát để chỉnh sửa nội dung giảng dạy theo hướng giới thiệu các khái niệm và nguyên tắc căn bản theo các chuẩn mực kế toán quốc tế, phân tích sự khác biệt (nếu có) với chế độ về kế toán và kiểm toán của Việt Nam, và hướng dẫn thực hành trên cơ sở khung pháp lý của Việt Nam.

Thứ hai, nhờ đối sánh với nội dung giảng dạy của các trường đại học có uy tín trên thế giới, bám sát với các hệ thống chuẩn mực quốc tế, nội dung giảng dạy trong khối kiến thức chuyên ngành đảm bảo tính cập nhật và tương thích nhất định với các chương trình tiên tiến. Về mảng kế toán tài chính, Khoa đã đưa gần như toàn bộ các nội dung của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) vào CTĐT ngay từ các năm 2011- 2012, với một số nội dung phức tạp như thuê tài sản, thuế hoãn lại, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, giới thiệu kế toán tập đoàn, kế toán công cụ tài chính... Từ năm 2019- 2020, một số nội dung quan trọng trong IFRS mà VAS chưa đề cập cũng đã được đưa vào giảng dạy cho cả 2 hệ chính quy và CLC như giảm giá trị tài sản, mô hình định giá lại, các thay đổi trong kế toán thuê tài sản, doanh thu từ hợp đồng với khách hàng, báo cáo về thu nhập toàn diện khác... Các môn học kế toán quản trị do không bị ràng buộc nhiều với chế độ và khung pháp lý cụ thể nên việc xây dựng đề cương đều trên cơ sở tham khảo các giáo trình quốc tế và nội dung giảng dạy trong các chứng chỉ nghề nghiệp uy tín như ACCA hoặc CFAB. Từ năm học 2019- 2020, chương trình đã được bổ sung thêm môn kế toán quản trị 2 với nội dung cập nhật về các vấn đề kế toán quản trị hiện đại như kế toán chi phí và giá thành trên cơ sở hoạt động, định giá chuyển giao nội bộ, bảng chấm điểm cân bằng, phân tích sai lệch... Các môn học kiểm toán tài chính 1, kiểm toán tài chính 2 cũng được chỉnh sửa và cập nhật hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (đã cập nhật với Chuẩn mực quốc tế).

Thứ ba, sự cập nhật theo các chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là IFRS trong CTĐT đã tạo cơ sở để Khoa KT- KT thực hiện việc tích hợp các môn học của các chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế và đạt được sự ghi nhận của các tổ chức này. Cụ thể, tháng 5/2019, CTĐT của Khoa đã được CPA Úc kiểm định và công nhận chính thức về chất lượng đào tạo (Thông tin về các chương trình đào tạo được công nhận của CPA Úc có thể được kiểm tra tại trang web <https://content.cpaaustralia.com.au/ManageApplications/AccreditedCourse.mvc/SearchAccreditedCourses>). Quá trình tích hợp các môn học của ACCA, và ICAEW của Khoa cũng được các đối tác ghi nhận và tiếp tục phát triển mối quan hệ hợp tác sâu rộng hơn trong tương lai, đặt nền tảng cho việc tiến tới thực hiện việc tăng số môn học được miễn cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Cụ thể, chương trình tích hợp với ACCA đã được triển khai duy trì đến khóa tuyển sinh thứ 8, Khoa KT- KT cũng đang phối hợp cùng Khoa Tài chính để điều chỉnh nội dung giảng và chuẩn bị hồ sơ xin miễn môn Thuế trong các chứng chỉ. Năm 2021, HVNH và ICAEW cũng chính thức ký lại Biên bản hợp tác theo đó chính thức tuyển sinh lớp CLC tích hợp chứng chỉ CFAB của tổ chức này, đồng thời có lộ trình chuẩn bị để miễn 2 môn trong chương trình (môn Luật và môn Tài chính, kinh doanh và công nghệ).

Thứ tư, CTĐT kế toán của HVNH cũng đã nhận được sự ghi nhận từ nhà tuyển dụng. Theo số liệu khảo sát của HVNH tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp của ngành Kế toán khá cao (Bảng 1).

3. Đối sánh khung chương trình chung của Học viện Ngân hàng với các chương trình quốc tế và các vấn đề tồn tại

Việc đối sánh được thực hiện trên cơ sở hai phiên bản gần nhất của CTĐT được ban hành theo Quyết định số 79/QĐ-HVNH ngày

Bảng 1. Tỷ lệ sinh viên ngành Kế toán có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp

Năm tốt nghiệp	Số SV tốt nghiệp	Số SV được khảo sát	Số SV phản hồi	Tỷ lệ có việc làm (%)	Tỷ lệ có việc làm đúng ngành ĐT (%)	Tỷ lệ có việc làm có liên quan ngành ĐT (%)	Tỷ lệ tự tạo việc làm (%)
2019	478	478	387	95,61	50,39	21,96	1,55
2018	623	623	336	91,67	60,12	25,29	4,17
2017	682	682	348	95,40	64,37	24,14	6,61

Nguồn: Phòng Đào tạo- HVNH (2017- 2019)

23/1/2019 về khung CTĐT đại học chính quy áp dụng từ năm học 2018- 2019 và Quyết định số 2727/QĐ-HVNH ngày 25/11/2021 về ban hành, điều chỉnh khung CTĐT trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Giám đốc HVNH. CTĐT năm 2021 đã có sự gắn kết rõ ràng hơn với chuẩn đầu ra của ngành học, sự gắn kết này cũng được phổ biến rộng rãi hơn cho toàn thể giảng viên. Tổng thể chương trình có thể được chia làm 3 khối kiến thức: giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành (trong các phiên bản trước, các khối kiến thức này có thể được chia nhỏ hơn). Để có những đánh giá rõ hơn và xác định những vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện, nhóm tác giả thực hiện đối sánh khung chương trình mới này với hai chương trình quốc tế uy tín trong lĩnh vực kế toán- kiểm toán là Chương trình kế toán của Đại học New South Wales, Úc- UNSW và Đại học Quản lý Singapore- SMU. Theo nội dung trong Sổ tay của UNSW về ngành thương mại (**commercial handbook**) và chuyên ngành kế toán (**accounting specialization**) cùng với đề cương chi tiết của các môn học, khung chương trình chung gồm 3 khối kiến thức với lượng tín chỉ tương đương nhau: các môn bắt buộc năm 1, các môn chuyên ngành và các môn được lựa chọn tự do (**free elective**). Nhóm tác giả căn cứ theo nội dung các môn học, ghép nhóm môn năm 1 và tự chọn thành 1 nhóm- phát triển các kiến thức về kinh doanh và kỹ năng chung cho người học, đối sánh với kiến thức

giáo dục đại cương và cơ sở ngành của HVNH. Theo tài liệu về chương trình cử nhân chuyên ngành kế toán và mô tả về nội dung của từng môn học công bố trên website của trường, khung chương trình của SMU gồm 2 khối kiến thức chính với thời lượng tương đương nhau. Khối 1 là các môn lõi của trường và các môn lựa chọn tự do để phát triển các kiến thức và kỹ năng chung (có 15/36 môn), xây dựng trên cơ sở 3 trụ cột: (1) phát triển năng lực (**capabilities**) để thích nghi với môi trường làm việc hiện đại phức tạp dựa nhiều vào dữ liệu và được số hóa (ví dụ kỹ năng xử lý dữ liệu, tư duy phản biện, lãnh đạo và làm việc nhóm...); (2) Cột trụ về cộng đồng (**Communities**) cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết về các hệ thống văn hóa, kỹ thuật và xã hội và các cơ chế hình thành nên sự tác động qua lại giữa mỗi cá nhân và cộng đồng (3) Các vấn đề liên quan đến xã hội dân sự (**civilization**), ví dụ đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội, công dân toàn cầu... Khối thứ 2 gồm các môn chuyên sâu về kế toán (11 môn bắt buộc và 3 môn tự chọn) và 7 môn về kinh doanh, được thiết kế để cung cấp toàn bộ những nội dung về mặt kiến thức và kỹ thuật (**technical components**) của chuyên ngành kế toán đồng thời tiếp tục phát triển và trau dồi các kỹ năng và thái độ cần có của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Đối sánh với khung chương trình chung của HVNH, các môn trong khối kiến thức lõi của SMU tương đương với giáo dục đại cương, các môn về kinh doanh tương ứng với khối cơ sở ngành

và các môn chuyên sâu về kế toán tương ứng với nhóm kiến thức chuyên ngành.

Từ phân tích các khối kiến thức của các trường và đối sánh trong Bảng 2, có thể thấy khung CTĐT của HVNH chưa thể hiện được sự kết nối giữa chuẩn đầu ra của trường và của ngành với từng khối kiến thức (giáo dục đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành). Cách thức xây dựng khung CTĐT của 2 trường đối sánh (UNSW và SMU) đều bắt nguồn từ khối kiến thức lõi (thể hiện giá trị cốt lõi trong đào tạo của trường mà tất cả các CTĐT đều phải đạt được), và khối kiến thức mang lại giá trị tăng thêm thể hiện sự khác biệt ở từng ngành đào tạo. Khung CTĐT ngành kế toán tại HVNH mặc dù đã được thể hiện nhưng chưa thực sự rõ nét sự phân định giữa khối kiến thức lõi chung và khối kiến thức riêng có của từng ngành. Chính vì thế sự phân chia thời lượng giữa các khối kiến thức cũng chưa thật sự hợp lý, khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình của HVNH có thời lượng khá khiêm tốn (khoảng 20% thời lượng, so với khoảng 33-38% thời lượng chương trình của 2 trường đối sánh). Các môn học trong khối kiến thức

cơ sở ngành gồm một số môn thể hiện kiến thức chuyên ngành (ví dụ kế toán tài chính 1, lý thuyết kiểm toán, kế toán thuế..) và một số môn liên quan đến phương pháp tư duy (phương pháp nghiên cứu khoa học).

Khối kiến thức giáo dục đại cương đang chiếm gần một nửa thời lượng của chương trình. Chương trình năm 2021 đã có những điều chỉnh tương đối lớn ở khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở ngành, trong đó nổi bật là việc bổ sung các môn Phương pháp nghiên cứu khoa học, Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, Năng lực số ứng dụng; và thay thế môn Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình bằng môn Giao tiếp trong kinh doanh. Tuy nhiên, các nội dung liên quan đến phát triển các kỹ năng cần có để thích nghi với môi trường kinh doanh hiện đại chưa rõ nét (ví dụ các môn học về tư duy phản biện, lãnh đạo và làm việc nhóm của SMU hay Ra quyết định trong kinh doanh; Giải quyết vấn đề trên cơ sở bằng chứng; Phối hợp và sáng tạo trong kinh doanh của UNSW).

Các nội dung đào tạo về vai trò và tương tác của cá nhân với cộng đồng, từ đó nhấn mạnh về trách nhiệm cộng đồng, đạo đức

Bảng 2. Đối sánh khung chương trình chung ngành kế toán của HVNH, UNSW và SMU

HVNH	UNSW	SMU
- Giáo dục đại cương: gồm các môn liên quan đến lý luận chính trị, toán, tiếng Anh, pháp luật và tin học đại cương; giáo dục quốc phòng và an ninh. Khối kiến thức này có tổng 56 tín chỉ, chiếm gần ½ (44%) thời lượng chương trình (chưa tính các học phần liên quan đến tốt nghiệp).	Các môn bắt buộc năm 1 (48 tín chỉ): gồm 8 môn phát triển kỹ năng và kiến thức phổ quát về kinh doanh; Ra quyết định trong kinh doanh; Giải quyết vấn đề trên cơ sở bằng chứng; Phối hợp và sáng tạo trong kinh doanh; Quản trị tài chính; Môi trường kinh doanh toàn cầu; Các nguồn lực của tổ chức; Sáng tạo giá trị; và Dữ liệu, phân tích và ra quyết định.	Khối kiến thức lõi chung của trường (SMU core): hướng tới thể hệ những người ra quyết định có năng lực, khả năng thích nghi và trách nhiệm, xử lý linh hoạt. Khối kiến thức lõi chiếm 1/3 thời lượng của chương trình (12/36 môn). Ngoài ra, chương trình có thêm 3 môn lựa chọn để phát triển và mở rộng kiến thức chung.
- Kiến thức cơ sở ngành: cung cấp kiến thức về kinh tế học, các nguyên lý căn bản trong tài chính và kế toán, luật kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, phương pháp phân tích liệu (thống kê và kinh tế lượng). Phần này chiếm 44 tín chỉ, chiếm khoảng 1/3 thời lượng của CTĐT (không tính các học phần tốt nghiệp).	Các môn lựa chọn tự do (Free electives): 48 tín chỉ, gồm 6 môn lựa chọn liên quan đến kinh doanh nói chung, và 2 môn tự chọn về kiến thức chung.	Các môn học về kinh doanh (7 môn): cung cấp các lý thuyết, các khái niệm và công cụ làm việc cần thiết trong một môi trường kinh doanh hiện đại: Luật kinh doanh, Luật công ty, Tài chính, Thị trường và công cụ tài chính, nhập môn thống kê, quản lý nhân sự trong kinh doanh, chiến lược.

HVNH	UNSW	SMU
- Kiến thức chuyên ngành: tập trung vào kiến thức chuyên ngành sâu về kế toán và kiến thức nền tảng về tài chính doanh nghiệp (hỗ trợ cho các môn kế toán). Phần này có 27 tín chỉ, chiếm khoảng 21% thời lượng của chương trình.	Các môn chuyên ngành kế toán: gồm 5 môn học bắt buộc và 3 môn tự chọn; chiếm 1/3 tổng thời lượng của CTĐT (48/144 tín chỉ).	Các môn học chuyên ngành kế toán: gồm 11 môn bắt buộc và 3 môn lựa chọn theo hướng phát triển kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính- kế toán, chiếm hơn 1/3 thời lượng của chương trình (14/36 môn).
Các học phần liên quan đến tốt nghiệp và các yêu cầu khác Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp (8/135 tín chỉ) Đảm bảo chuẩn đầu ra về tin học và ngoại ngữ.	Các học phần liên quan đến tốt nghiệp và các yêu cầu khác Hoàn thành 1 môn học lựa chọn với kiến thức tổng hợp (Synthesis of Learning Course) hoặc khóa thực tập chuyên sâu (Synthesis Experience). Ngoài ra, có các khóa học thuộc nhóm học kết hợp với thực tập (WIL- work integrated learning), từ cuối năm 1 đến năm 3, có sự tham gia của các đối tác doanh nghiệp... Viết khóa luận chỉ áp dụng đối với sinh viên theo đuổi chương trình học thuật (Honours program).	Các học phần liên quan đến tốt nghiệp Sinh viên năm cuối phải hoàn thành 1 khóa học tự chọn liên quan đến nghiên cứu châu Á hoặc Singapore. Ngoài ra, để hoàn thành khối kiến thức lõi, SMU cũng yêu cầu người học phải thực hiện ít nhất 1 kỳ thực tập, 80 giờ dịch vụ cộng đồng và trải nghiệm môi trường làm việc toàn cầu trước khi tốt nghiệp.

Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu

ngành nghiệp cũng chưa được chú trọng và nổi bật như trong các chương trình đối sánh. Trong khối kiến thức cơ sở ngành, môn Quản trị doanh nghiệp được đưa vào thay thế cho môn Marketing cũng giúp tăng độ phủ rộng của kiến thức về hoạt động kinh doanh nói chung. Tuy nhiên, các nội dung về kinh doanh nói chung (hoạt động của doanh nghiệp, các thị trường tài chính...) của các trường đối sánh cũng có độ phủ kín thời lượng lớn hơn.

Bên cạnh đó, với lợi thế là trường đa ngành nên số lượng các môn tự chọn của UNSW và SMU đa dạng và phong phú hơn. SMU và UNSW cũng có những hướng dẫn chi tiết cho người học trong việc lựa chọn các nhóm môn phù hợp để có đạt được sự ghi nhận (miễn giảm môn) của các tổ chức nghề nghiệp hoặc có được văn bằng thứ 2 (**second minor**). SMU và UNSW cũng có lợi thế về sự kết nối chặt chẽ giữa các trường đại học và các doanh nghiệp, các đơn vị thực tế, cũng như ít áp lực về số lượng sinh viên.

Tóm lại, khung CTĐT ngành Kế toán năm

2021 của HVNH đã có sự cải tiến so với chương trình năm 2019 khi có sự nhấn mạnh rõ hơn về một số kỹ năng tư duy cần có, các môn học về kinh doanh phù hợp và có độ phủ kiến thức tốt hơn. Tuy nhiên, sự phân chia các khối kiến thức chưa cho thấy sự gắn kết với chuẩn đầu ra của Chương trình, chưa thấy được sự phân chia giữa khối kiến thức tương ứng với giá trị cốt lõi mà cơ sở đào tạo hướng tới trang bị cho người học và phần kiến thức- kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành. Các vấn đề về công dân toàn cầu, học tập suốt đời và trách nhiệm xã hội chưa được thể hiện rõ nét, gồm cả sự kết nối với các doanh nghiệp.

4. Một số khuyến nghị tiếp tục cải tiến Chương trình đào tạo ngành Kế toán bậc đại học tại Học viện Ngân hàng

Căn cứ vào những hạn chế xác định trong phân tích đối sánh ở phần 3, và những kinh nghiệm đã mang lại các kết quả được ghi

nhận ở phần 2, nhóm tác giả đưa ra một số khuyến nghị để hoàn thiện CTĐT ngành kế toán của HVNH như sau:

Thứ nhất, cần tiếp tục nghiên cứu phân định rõ hơn giữa giá trị cốt lõi của cơ sở giáo dục mà mọi CTĐT của HVNH đều phải đạt được với giá trị tăng thêm ở từng chuyên ngành để có căn cứ khoa học hơn trong việc phân chia các khối kiến thức trong CTĐT, đảm bảo sự kết nối chặt chẽ giữa các chuẩn đầu ra của chương trình với từng khối kiến thức. Xác định rõ chuẩn đầu ra cho từng khối kiến thức cũng sẽ tạo cơ sở cho việc kết nối đến chuẩn đầu ra của từng môn học.

Thứ hai, khối kiến thức giáo dục đại cương cần thể hiện rõ hơn các nội dung để phát triển tư duy công dân toàn cầu và học tập suốt đời, tham gia các trải nghiệm liên quan đến môi trường làm việc quốc tế, hình thành trách nhiệm cộng đồng và ý thức về đạo đức nghề nghiệp. Chương trình cần tạo nền tảng về các vấn đề này trong khối kiến thức chung để có thể tiếp tục phát triển cho người học trong các môn chuyên ngành.

Thứ ba, thay đổi quan điểm tiếp cận để bổ sung và đa dạng hóa các môn lựa chọn. Tương tự như SMU và UNSW, HVNH nên có nhóm môn lựa chọn tự do (free elective) với mục tiêu mở rộng kiến thức và cá nhân hóa quá trình học tập của người học. Sinh viên có thể lựa chọn một số môn học bất kỳ từ các khoa Luật, Kinh tế, Ngoại ngữ, Hệ thống thông tin... phù hợp với năng lực và sở thích của mình. Đối với các môn lựa chọn trong khối kiến thức chuyên ngành, HVNH có thể xây dựng thêm các môn phục vụ cho việc miễn giảm thêm môn trong các chứng chỉ nghề nghiệp (chi tiết trong khuyến nghị thứ 6), học bằng tiếng Anh cho nhóm sinh viên có khả năng và nguyện vọng phù hợp.

Thứ tư, có kế hoạch xây dựng nhóm các môn học kết hợp với thực hành (work integrated learnings) tương tự như của UNSW. Đây cũng là một trong các xu hướng phát triển

gần đây trong đào tạo kinh doanh nói chung và kế toán nói riêng và sẽ được thảo luận kỹ hơn trong một bài viết khác.

Thứ năm, nghiên cứu về việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế về đào tạo kế toán (IES- International Education Standards) do Liên đoàn kế toán quốc tế IFAC ban hành trong việc xây dựng và phát triển CTĐT ngành kế toán. Các IES là những hướng dẫn mà IFAC yêu cầu phần lớn các thành viên là các hiệp hội nghề nghiệp kế toán (ACCA, ICAEW, CPA Úc...) cam kết tuân thủ trong đào tạo cấp chứng chỉ cũng như đào tạo liên tục để đảm bảo về năng lực của người hành nghề. Do đó, bên cạnh khung năng lực quốc gia và những định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong xây dựng CTĐT, việc bám sát các IES sẽ giúp đảm bảo tính quốc tế và cập nhật cho chương trình cũng như những yêu cầu đặc thù cho lĩnh vực kế toán- kiểm toán.

Thứ sáu, tiếp tục phát triển việc hợp tác với các tổ chức nghề nghiệp để đẩy mạnh việc quốc tế hóa CTĐT và tăng cường sự ghi nhận lẫn nhau trong chương trình giữa HVNH và các đối tác. Các mục tiêu cụ thể trong giai đoạn 2021- 2025 gồm:

Với ICAEW: trên cơ sở giảng dạy các môn Kế toán, Kiểm toán, Kế toán quản trị và Thuế cho CLC, tiếp tục đưa các môn này vào nhóm tự chọn của hệ chính quy. Điều này sẽ tăng thêm cơ hội cho các sinh viên hệ đại trà có khả năng tiếng Anh tiếp cận gần hơn, nhanh hơn với các chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế. Rà soát nội dung một số môn cơ sở ngành để đề nghị ICAEW miễn giảm 2 môn Luật và Tài chính, kinh doanh và công nghệ.

Đối với ACCA: Triển khai giảng dạy các môn tích hợp, đồng thời tăng cường các hoạt động tư vấn định hướng để sinh viên khai thác hiệu quả hơn nội dung học trong việc tiếp cận chứng chỉ quốc tế và định hướng phát triển nghề nghiệp tương lai. Phối hợp với Khoa Tài chính xây dựng và hoàn thiện môn Thuế 2 để miễn giảm môn Thuế (F6).

Tiếp tục phát triển quan hệ với các tổ chức nghề nghiệp khác như CPA Australia, và các tổ chức nghề nghiệp quốc tế khác trong các lĩnh vực về kế toán quản trị và kiểm toán nội

bộ. Phát triển sâu rộng hơn mối quan hệ với Bộ Tài chính và VACPA để có thể có sự ghi nhận lẫn nhau trong CTĐT giữa HVNH và các chứng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam. ■

Tài liệu tham khảo

- Albader M. (2015) *Transition to IFRS and its implications for accounting education in Saudi Arabia*. Victoria University.
- Aldredge M. (2017) *Integration of International Financial Reporting Standards in US Accounting Programs*. ProQuest Dissertations Publishing.
- Brady TJ. (2009) *Incorporating IFRS into the accounting curriculum*. *Strategic Finance* 90: 23.
- HVNH, Quyết định số 79/QĐ-HVNH ngày 23/1/2019 ban hành khung CTĐT đại học chính quy áp dụng từ năm học 2018- 2019
- HVNH, Quyết định số 965/QĐ-HVNH, ngày 11/11/2019 về việc điều chỉnh, bổ sung Khung CTĐT đại học, cao đẳng.
- HVNH, Quyết định số 545/QĐ-HVNH, ngày 30/7/2019 về việc ban hành Khung CTĐT cử nhân CLC áp dụng từ khóa tuyển sinh 2019
- HVNH, Quyết định số 2727/QĐ-HVNH ngày 25/11/2021 của Giám đốc HVNH ban hành, điều chỉnh khung CTĐT trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2021.
- Helliari, C. (2013). *The global challenge for accounting education*. *Accounting Education*, 22(6), 510-521.
- IFAC, IESs – Các chuẩn mực đào tạo quốc tế (International Education Standards) <https://education.ifac.org>
- Jackling B, Howieson B and Natoli R. (2012) *Some implications of IFRS adoption for accounting education*. *Australian Accounting Review* 22: 331-340.
- Lubbe, I. (2020). *Towards a global model of accounting education—a South African case study*. *Journal of Accounting in Emerging Economies*.
- Saito M, Hiramatsu K and Mayangsari S. (2012) *Accounting Education for the Implementation of IFRS in Indonesia*. *International review of business*: 1-21.
- Singer RA. (2012) *How to Integrate International Financial Reporting Standards into Accounting Programs*. *American Journal of Business Education* 5: 287-292.
- Singapore Management University (2021), *Accounting program- course structure*, truy cập 1/6/2021 tại <https://accountancy.smu.edu.sg/bachelor-accountancy/curriculum/course-structure>
- Singapore Management University (2021), *Core Curriculum*, truy cập 1/6/2021 tại <https://corecurriculum.smu.edu.sg/core-curriculum>.
- University of New South Wales (2021), *Overview of accounting program*, truy cập ngày 1/6/2021 tại <https://www.unsw.edu.au/business/study-with-us/study-areas/accounting>
- University of New South Wales (2021), *Bachelor of Commerce- program structure*, truy cập ngày 1/6/2021 tại <https://www.unsw.edu.au/study/undergraduate/bachelor-of-commerce?studentType=Domestic>
- University of New South Wales, (2021), *Handbook- comercial program (including links to course outline of all the subjects)* truy cập ngày 1/6/2021 tại <https://www.handbook.unsw.edu.au/undergraduate/programs/2021/3502?year=2021>
- University of New South Wales (2021), *Handbook- accounting specialization (including link to course outline of all subjects)* truy cập ngày 1/6/2021 tại <https://www.handbook.unsw.edu.au/undergraduate/specialisations/2021/ACCTA1>
- Watty, K., Sugahara, S., Abayadeera, N., & Perera, L. (2013). *Developing a global model of accounting education and examining IES compliance in Australia, Japan, and Sri Lanka*. *Accounting Education*, 22(5), 502-506.
- Watty, K., Sugahara, S., Abayadeera, N., Perera, L., & McKay, J. (2014). *Towards a global model of accounting education*. *Accounting Research Journal*.
- Weiss JM. (2011) *Implementing IFRS curriculum into accounting programs*. *The CPA Journal* 81: 62.
- Worldbank (2019) *Vietnam corporate accounting education in universities*, truy cập ngày 1/6/2021 tại <https://openknowledge.worldbank.org/bitstream/handle/10986/33469/Vietnam-Corporate-Accounting-Education-in-Universities.pdf>
- Zhu H, Rich KT, Michenzi AR, et al. (2011) *User-oriented IFRS education in introductory accounting at US academic institutions: current status and influencing factors*. *Issues in Accounting Education* 26: 725-750.
- <https://www.accaglobal.com/uk/en/student/tuition-study-options/universities.html>
- <https://www.icaew.com/learning-and-development/partners-in-learning/becoming-an-icaew-partner-in-learning/icaew-higher-education-institutions/recognised-partners-in-learning-heis>
- <https://openknowledge.worldbank.org/bitstream/handle/10986/33469/Vietnam-Corporate-Accounting-Education-in-Universities.pdf>
- <https://www.accaglobal.com/ie/en/help/exemptions-calculator.html>
- <https://apps.icaew.com/cpldirectory>
- <https://content.cpaaustralia.com.au/ManageApplications/AccreditedCourse.mvc/SearchAccreditedCourses>
- Chuẩn đầu ra, Đề cương, Kế hoạch giảng dạy các Học phần Khoa Kế toán- Kiểm toán từ năm học 2019- 2020 (hvn.edu.vn)